

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/DS-ST

Ngày: 23-3-2022

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT, TP. CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Trung Thu**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Tăng Tài Thủ**.

2. Ông **Lê Hồng Vũ**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Trung Hiếu** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ:
Bà **Lê Thị Kim Xa** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 156/2022/QĐST – DS ngày 07.3.2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần P.

Địa chỉ: Số 41-45, Lê D, phường B, quận N, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Trịnh Văn T** – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Trịnh Đức Quốc T**, sinh năm: 1975 – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ. (Văn bản ủy quyền số 06/2021/GUQ ngày 20/02/2021) (Có mặt)

Địa chỉ: Tầng 1 và 2, Tòa nhà H, số 14-16B H, phường A, quận NK, TPCT.

- Bị đơn:

1. Ông **Hà Văn T**, sinh năm 1980. (Vắng mặt lần thứ 2)

2. Bà **Nguyễn Thị Hồng Q**, sinh năm: 1987. (Vắng mặt lần thứ 2)

Cùng địa chỉ: Khu vực Q, phường T, quận TN, thành phố CT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 20/02/2021, nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần P và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Trịnh Đức Quốc T trình bày:

Vào ngày 13.6.2019, Ngân hàng thương mại cổ phần P – Chi nhánh Cần Thơ - Phòng giao dịch Thốt Nốt (gọi tắt là Ngân hàng) có cho ông Hà Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng Q vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số 0155/2019/HĐTD – OCB – CN và Khế ước nhận nợ với các nội dung chính như sau: Số tiền vay vốn gốc là 200.000.000 đồng; thời hạn vay là 48 tháng; mục đích tiêu dùng; lãi suất được tính trên cơ sở một năm có 365 ngày. Số tiền lãi phải trả = (số dư nợ thực tế tính lãi) x (Số ngày thực tế của kỳ tính lãi) x (Lãi suất(%/năm)):365 và có thể điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ; lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, trả lãi theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 10 của tháng theo dư nợ thực tế. Kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 10.7.2019.

Để đảm bảo khoản vay ông T và bà Q đồng ý thế chấp cho Ngân hàng tài sản là quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp số 0155/2019/BĐ ngày 13.6.2019 là quyền sử dụng đất có diện tích 101,6m², thửa đất 170, TĐĐ 01 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05227, do Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ cấp ngày 14.4.2018 và thửa 2482, TĐĐ 01 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05336, do Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ cấp ngày 05.7.2018 đều do ông Hà Văn T đứng tên chủ sử dụng đất, đất tọa lạc khu vực Q, phường T, quận TN, thành phố CT.

Trong quá trình vay ông T và bà Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng, dù Ngân hàng nhiều lần nhắc nhở và tạo điều kiện về thời gian nhưng ông vẫn không thực hiện. Nay nguyên đơn yêu cầu buộc ông Hà Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng Q thanh toán cho nguyên đơn tiền nợ gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 23.3.2022 số tiền là 142.176.371 đồng, trong đó: nợ gốc là 121.436.221 đồng, lãi 20.740.150 đồng và ông T, bà Q phải tiếp tục chịu lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp ông T và bà

Q không trả nợ trên thì nguyên đơn được quyền yêu cầu thi hành án phát mãi tài sản theo Hợp đồng thế chấp đã đảm bảo để thu hồi nợ.

Về phía bị đơn ông Hà Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng Q trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập ông T, bà Q tham gia tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông T, bà Q đều vắng mặt và cũng không cung cấp văn bản ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn hay yêu cầu gì cho Tòa án.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, theo yêu cầu của đương sự Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ thửa đất 170, TĐĐ 01 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05227, do Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ cấp ngày 14.4.2018 và thửa 2482, TĐĐ 01 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05336, do Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ cấp ngày 05.7.2018, các thửa đất đều do ông T đứng tên chủ sử dụng đất là đúng thực tế phù hợp giấy đất được cấp.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật, đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Hà Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng Q phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền tính đến ngày 23.3.2022 là 142.176.371 đồng, trong đó: nợ gốc là 121.436.221 đồng, tiền lãi 13.570.388 đồng, lãi quá hạn của tiền gốc là 6.311.813 đồng, lãi quá hạn của lãi là 857.950 đồng. Ông T, bà Q phải tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 24.3.2022 cho đến khi trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp ông T, bà Q không trả nợ trên thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 0155/2019/BĐ ngày 13.6.2019 để thu hồi nợ. Đương sự chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Xét nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Hà Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng Q phải thanh toán số tiền nợ gốc 121.436.221 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, do trong quá trình thực hiện hợp đồng phía bị đơn không trả nợ gốc và lãi như đã cam kết theo hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện. Do đó đây là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

[2] *Về tố tụng:* Quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bị đơn để tham gia hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt. Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được với bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn ông Hà Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng Q đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng phía bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn.

[3] *Về nội dung tranh chấp:*

[3.1] Xét hợp đồng tín dụng:

Theo tài liệu chứng cứ phía Ngân hàng thương mại cổ phần P cung cấp:

Ngày 13.6.2019, ông Hà Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng Q có vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần P– Chi nhánh Cần Thơ - Phòng giao dịch Thốt Nốt theo Hợp đồng tín dụng số: 0155/2019/HĐTD-OCB-CN và Khế ước nhận nợ có nội dung cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 200.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 48 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên.
- Mục đích vay: Tiêu dùng phục vụ đời sống.

- Lãi suất vay và phương pháp tính lãi: Tiền lãi tính trên cơ sở một năm có 365 ngày. Số tiền lãi phải trả = (Số dư nợ thực tế tính lãi) x (Số ngày thực tế của kỳ tính lãi) x (Lãi suất (%/năm)) : 365. Tiền lãi được tính từ ngày giải ngân khoản cấp tín dụng hoặc tiếp theo ngày giải ngân khoản cấp tín dụng theo lựa chọn của ngân hàng.

- Lãi suất cho vay trong hạn: Trong 03 tháng đầu: lãi suất vay 11%/năm. Từ tháng thứ 4 trở đi: áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần, kỳ điều chỉnh lãi đầu tiên vào ngày 14.9.2019.

- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.
- Phương thức vay: cho vay từng lần.

Hợp đồng tín dụng nêu trên đã tuân thủ quy định của pháp luật về nội dung và hình thức, đã được thực hiện nên phát sinh hiệu lực. Mặc dù, Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ không có công chứng/chứng thực (hình thức hợp đồng không bắt buộc) nhưng đi kèm theo Hợp đồng tín dụng là Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm các khoản vay đã được công chứng và đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền, nên có giá trị chứng minh việc vay tiền nêu trên là có thật.

Quá trình giải quyết, bị đơn ông Hà Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng Q dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không có gửi tài liệu chứng cứ hay ý kiến, yêu cầu gì liên quan đến vụ án.

Theo quy định về nghĩa vụ chứng minh tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*.

[3.2] Xét yêu cầu đòi nợ gốc: Ngày 14.6.2019, Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay gốc cho ông T. Theo Khế ước nhận nợ thì bên vay phải trả nợ gốc định kỳ hàng tháng vào ngày 10 của tháng, số tiền trả đều mỗi kỳ là 4.170.000 đồng. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 10.7.2019. Thực hiện hợp đồng, từ ngày 10.7.2019 đến ngày 10.01.2021, ông T và bà Q đã trả cho Ngân hàng được 78.563.779 đồng. Sau đó ông bà ngừng thanh toán nợ cho ngân hàng đến nay dù ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở việc trả nợ. Nay Ngân hàng yêu cầu ông T và bà Q phải có trách nhiệm trả số nợ gốc là 200.000.000 đồng – 78.563.779 đồng = 121.436.221 đồng. Xét các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ xác định số nợ gốc bị đơn chưa trả là đúng. Ông T, bà Q không giao nộp tài liệu, chứng cứ phản đối yêu cầu của Ngân hàng. Do đó, căn cứ vào Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ngân hàng buộc ông T và bà Q phải trả số nợ gốc tính đến ngày 23.3.2022 là 121.436.221 đồng.

[3.3] Về yêu cầu đòi tiền lãi: Theo Khế ước nhận nợ lãi suất cho vay trong hạn: Trong 03 tháng đầu: lãi suất vay 11% năm. Từ tháng thứ 4 trở đi: áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần. Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Bên vay phải trả lãi vay định kỳ một tháng/lần vào

ngày 10 của tháng, theo dư nợ thực tế. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 10.7.2019. Trong quá trình vay, tính đến ngày 10.01.2021 ông T và bà Q đã trả cho Ngân hàng nợ lãi trong hạn là: 30.634.807 đồng, lãi quá hạn là: 1.191.609 đồng. Từ đó về sau, ông bà không thanh toán nợ lãi cho ngân hàng. Xét thấy, do ông T và bà Q đã vi phạm thỏa thuận tại Điều 5 của Hợp đồng tín dụng nên nay ngân hàng yêu cầu ông bà phải có trách nhiệm trả tổng số tiền lãi tính đến ngày 23.3.2022 là 20.740.150 đồng (trong đó lãi trong hạn là 13.570.388 đồng, lãi quá hạn là 7.169.763 đồng) là phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4] Xét hợp đồng thế chấp:

Ngân hàng thương mại cổ phần P– Chi nhánh Cần Thơ - Phòng giao dịch Thốt Nốt và ông Hà Văn T, bà Nguyễn Thị Hồng Q có ký kết Hợp đồng thế chấp số 0155/2019/BĐ ngày 13.6.2019 tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa đất 170, TĐĐ 01 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05227, do Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ cấp ngày 14.4.2018 cho ông Hà Văn T và thửa 2482, TĐĐ 01 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05336, do Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ cấp ngày 05.7.2018 cho ông Hà Văn T đất tọa lạc khu vực Q, phường TK, quận TN, thành phố CT. Hợp đồng thế chấp có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật và được tiến hành đăng ký thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền, nên có hiệu lực. Qua xem xét thẩm định tại chỗ xác định các thửa đất thế chấp phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông T.

Tại Điều 4 của Hợp đồng thế chấp có nội dung xử lý tài sản thế chấp khi đến hạn mà bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ. Vì vậy, trường hợp nếu ông T và bà Q không trả được nợ vay thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền ra Quyết định xử lý tài sản thế chấp để thanh toán nợ cho Ngân hàng.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tài sản: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thẩm định tài sản với chi phí là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*). Nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền 3.000.000 đồng. Do yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí này và có trách nhiệm hoàn lại cho nguyên đơn số tiền 3.000.000 đồng theo quy định tại Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí tương đương với số tiền phải trả cho ngân hàng tính tới thời điểm xét xử là: 142.176.371 đồng x 5% = 7.109.000 đồng.

[6] Xét đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 91, 157, 207, 227, 228, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*** Tuyên án:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc ông Hà Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng Q phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần P tổng số tiền tính đến ngày 23.3.2022 là 142.176.371 đồng (*Một trăm bốn mươi hai triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn ba trăm bảy mươi một đồng*), trong đó: nợ gốc là 121.436.221 đồng, lãi 20.740.150 đồng.

2. Kể từ ngày 24.3.2022 cho đến khi thi hành án xong, ông Hà Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 0155/2019/HĐTD-OCB-CN ngày 13.6.2019.

3. Trường hợp ông Hà Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng Q không trả hết nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 0155/2019/BĐ ngày 13.6.2019 có tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa đất 170, TĐĐ 01 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05227, do Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ cấp ngày 14.4.2018 cho ông Hà Văn T và thửa 2482, TĐĐ 01 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05336, do Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ cấp ngày 05.7.2018 cho ông Hà Văn T đất tọa lạc khu vực Q, phường T, Q. TN, TPCT để thu hồi nợ.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tài sản: Bị đơn ông Hà Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng Q phải nộp số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Nguyên đơn đã tạm nộp xong số tiền trên nên bị đơn có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn số tiền 3.000.000 đồng.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Hà Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng Q phải chịu số tiền 7.109.000 đồng (*Bảy triệu một trăm lẻ chín nghìn đồng*)

Ngân hàng thương mại cổ phần P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 3.332.000 đồng (*Ba triệu ba trăm ba mươi hai nghìn đồng*) đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ theo biên lai thu tiền số AA/2020/002746 ngày 30.3.2021.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Thốt Nốt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đoàn Thị Trung Thu

